

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13.6.2023.

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phát Triển.

2. Ông Đặng Thanh Cao.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Văn An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp..

Ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 65 /QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Bích N, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 1 ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Văn B, sinh năm 1985; (vắng mặt).

Địa chỉ: Số E ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Đương sự N có mặt tại phiên tòa, đương sự Bền vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Bích N trình bày:

Chị N và anh B chung năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn một thời gian anh B thường xuyên uống rượu về đánh đập vợ con, chị N có báo chính quyền địa phương, chính quyền địa phương có mời giải quyết anh B hứa khắc phục nhưng không khắc phục mà tiếp tục đánh đập vợ con từ đó vợ chồng sống không hạnh phúc nên chị N bỏ nhà đi từ năm 2019

đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Khánh D, sinh ngày 11/01/2010 con do chị N trực tiếp nuôi từ ngày vợ chồng sống ly thân năm 2019 đến nay. Khi ly hôn với anh B chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Trước đây vợ chồng có cất nhà riêng gỗ tạp trên đất của cha mẹ chồng cho ở nhờ, chị N bỏ đi năm 2019 đến nay nên chị N không biết nhà hiện còn không hay đã sập. Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, chị N và anh B không nợ ai và cũng không ai nợ lại nên chị N không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Từ khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, triệu tập xét xử 02 lần đã tổng đạt hợp lệ (nêm yết) cho anh B nhưng anh B không đến tham dự hòa giải và cũng không trình bày ý kiến của mình về việc khởi kiện của chị N và không đến tham dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Bích N khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Văn B nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn B đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh B xét xử lần thứ hai đã tổng đạt hợp lệ nhưng B không đến tham dự phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hôn nhân: Chị N và anh B chung sống với nhau 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn một thời gian anh B thường xuyên uống rượu về đánh đập vợ con, chị N có báo chính quyền địa phương, chính quyền địa phương có mời giải quyết anh B hứa khắc phục nhưng không khắc phục mà tiếp tục đánh đập vợ con, từ đó vợ chồng sống không hạnh phúc nên chị N bỏ nhà đi từ năm 2019 đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục

đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh B. Xét yêu cầu của chị N Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống chị N và anh B có mâu thuẫn với nhau do anh B không quan tâm chăm sóc gia đình, chị N cho rằng anh B nhiều lần đánh đập chị N và chị N có báo chính quyền địa phương và anh B có hứa sửa chữa nhưng anh B không sửa chữa nên chị N bỏ nhà đi sống ly thân với anh B từ năm 2019 đến nay. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần mời anh B đến để phân tích, hòa giải, động viên tạo điều kiện để chị N và anh B đoàn tụ chung sống hạnh phúc nuôi dạy con nhưng anh B không đến tham dự cũng như trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị N. Mặc khác, anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay thời gian cũng đã hơn 04 năm giữa anh B và chị N cũng không tìm được giải pháp bảo để hàn gắn đoàn tụ. Như vậy cho thấy hiện nay chị N và anh B đã không có giải pháp nào để hàn gắn đoàn tụ, mâu thuẫn giữa anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Bích N là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Khánh D, sinh ngày 11/01/2010 con do chị N trực tiếp nuôi từ ngày vợ chồng sống ly thân năm 2019 đến nay. Khi ly hôn với anh B chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Con chung của chị N và anh B là Nguyễn Khánh D cũng có tờ tường trình ngày 04/7/2022 trình bày ý kiến là nếu cha mẹ ly hôn thì D yêu cầu được sống chung với mẹ là Lê Thị Bích N. Từ những phân tích trên xét yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con tên D của chị N là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị N trình bày là không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí: chị Lê Thị Bích N phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Bích N. Chị Lê Thị Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị Bích N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Khánh D, sinh ngày 11/01/2010, chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Chị N và các thành viên gia đình không được quyền cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: Chị Lê Thị Bích N phải chịu 300.000đ, tiền án phí của chị N được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 26/10/2022 theo Biên lai thu số 0010706 của chị Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung chị N không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (13/6/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC.THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Bích Thủy